TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2021/DS-PT
Ngày: 19/4/2021
V/v: Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: ông Lương Thanh Chín và bà Trần Thị Thiên Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 10/TB-TA ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 16/TB-TA ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Phan Văn P**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn Phú Lộc, xã Hàm Cường, huyện H, tỉnh B (có mặt)

2. Bị đơn: ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, huyện H, tỉnh B (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Ngọc H: ông Đồng Hữu Pháp - Luật sư của Văn phòng luật sư Đồng Hữu Pháp – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

3.1 Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985

Địa chỉ:Thôn Phú Lộc, xã Hàm Cường, huyện H, tỉnh B. Bà T ủy quyền ông Phan Văn P (chồng) tham gia tố tụng (có mặt)

3.2 Bà Huỳnh Thị Như T, sinh năm: 1989; nơi cư trú: thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, huyện H, tỉnh B. Bà T ủy quyền của cho ông Trần Ngọc H (chồng) tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 05/7/2019 (vắng mặt).

3.3 Ông Lê Quang H - sinh năm 1948

Địa chỉ: số nhà 47/69 Lạc Long Quân, phường 1, Quận 11, TP. H (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

- Ông Trương Ngọc L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 24 - đường Yersin, phường Phú Trinh, P, B (có mặt)

- Ông Nguyễn Kim L, sinh năm 1951; nơi cư trú: Tổ 6, Thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện H, tỉnh B (có mặt)

Người kháng cáo: ông Trần Ngọc H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phan Văn P trình bày: năm 2017 ông Phan Văn P có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quang H thửa đất số 05, tờ bản đồ số 00 diện tích 12.164 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 835319 ngày 22/6/2007, tọa lạc thôn Dân Bình, xã Hàm kiệm, huyện H, tỉnh B. Sau đó thì ông thấy ông Trần Ngọc H sử dụng trái phép diện tích đất trên.

Nay ông yêu cầu ông Trần Ngọc H phải trả lại số diện tích đất trên thửa số 05, tờ bản đồ số 00 diện tích 12164 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 835319 ngày 22/6/2007 được chuyển nhượng cho ông Phan Văn P theo hồ sơ số 1476.CN.VP ngày 3/11/2017 tọa lạc thôn Dân Bình, xã Hàm kiệm, huyện H, tỉnh B và toàn bộ số cây bạch đàn gắn liền trên thửa đất trên .

Bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày: thửa đất diện tích 12.164 m^2 tại thôn Dân Bình, xã Hàm kiệm, huyện H, tỉnh B, đang tranh chấp với ông Phan Văn P do ông H nhận nhượng của ông Trương Ngọc L (khi sang nhượng viết giấy tay không có chứng thực của địa phương, do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có địa chỉ phường Phú Trinh, TP. P, tỉnh B từ năm 2011. Cây bạch đàn đã có sẵn, năm 2014-2015 có khai thác bán một lần, đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp. Nay tôi không đồng ý trả đất như ông Phan Văn P trình bày. Đề nghị làm rõ nghĩa vụ của các ông Lê Quang H1, Lê Quang H vì sao trong thời gian tôi canh tác trên thửa đất trên trong thời gian dài lại không có ý kiến gì mà để phát sinh tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc L trình bày: nguồn gốc đất là do tôi sang nhượng lại của bà H có địa chỉ tại xã Hồng sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B, tổng cộng khoảng 10 ha gồm 4 thửa, khi sang nhượng viết giấy tay (khi sang nhượng viết giấy tay không có chứng thực của địa phương, do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đến năm 2011 sang nhượng cho ông Trần Ngọc H 3 thửa khoảng 7 ha , trong đó có diện tích đang tranh chấp với ông Phan

Văn P. Đề nghị xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Ngọc H đề nghị Tòa án xem xét quá trình sử dụng đất của bị đơn, đề nghị triệu tập bà Nguyễn Thị Hà (là người bán đất cho ông Lai) đến phiên tòa để đối chất sự việc với ông Trương Ngọc L (là người chuyển nhượng đất cho ông H). Phía nguyên đơn không quản lý sử dụng đất từ thời điểm năm 2008 đến nay, từ khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Lai, hàng năm bị đơn tiến hành chăm sóc, cày chống cháy đối với cây bạch đàn trên đất, năm 2014 bị đơn đã khai thác bạch đàn sau đó bị đơn vẫn tiến hành chăm sóc bạch đàn tái sinh cho đến nay, trước khi nguyên đơn khởi kiện, quá trình bị đơn chăm sóc cây hàng năm không thấy có ai tranh chấp. Ngoài ra, bị đơn là bên thứ ba ngay tình, do bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Trương Ngọc L, tài sản trên đất là số cây bạch đàn do ông Lai thuê người trồng sau đó bán cho bị đơn, bị đơn đã cung cấp chứng cứ là vi bằng do Văn phòng Thừa pháp lại La Gi lập ghi nhận việc tự khai của ông Vũ Xuân T, Vũ Xuân H - là những người mà ông Trương Ngọc L đã mua cây giống và thuê trồng cây bạch đàn trước khi chuyển nhượng cho bị đơn. Do vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn có thể khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác khi có đủ chứng cứ chứng minh.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2018, thì hiện trạng tài sản đang tồn tại trên đất tranh chấp theo hai bên đương sự xác định gồm: 4.400 cây bạch đàn (đang tái sinh chu kỳ 2).

Theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 14/8/2018 của công ty MTNHHTV-DV khảo sát và đo đạc HTB, diện tích đất tranh chấp là 11.997.1 m^2 (có vị trí tọa độ cụ thể)

Tại biên bản định giá ngày 08/8/2019, tài sản trị giá: diện tích 11.997.1 m^2 đất có trị giá 751. 498.344 đồng; tài sản trên đất: 4.400 (cây bạch đàn tái sinh) có trị giá 76.500.000 đồng. Tổng trị giá 827.998.334 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ: khoản 9 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688, 689, 691, 692, 697, 698, 699, 701, 702 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 164, 166, 168, 169 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 105, 106, 127 của Luật Đất đai 2003; Điều 166, 167, 168, 188, 202, khoản 203 của Luật Đất đai 2013 và Điều 26, khoản 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn P.

Buộc ông Trần Ngọc H phải trả lại cho ông Phan Văn P diện tích đất 12.164 m^2 (đo đạc thực tế 11.997,1 m^2) đất trồng cây lâu năm tại thửa số 03, tờ bản đồ số 00 - tọa lạc tại thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện H, B đã được UBND huyện H cấp cho ông Lê Quang H1 vào ngày 22/6/2007 theo Giấy CNQSD đất số AI835319, được

Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai H xác nhận T 04 GCNQSD đất số AI 835319 được UBND huyện cấp ngày 22/6/2007 với nội dung: chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan văn P, sinh năm 1981, CMND số 260866401, thường trú Thôn Phú Lộc, Hàm Cường, huyện H, tỉnh B. Theo hồ sơ số 1476.CN.VP ngày 3/11/2017.

Ông Trần Ngọc H được khai thác toàn bộ số cây bạch đàn gắn liền trên diện tích đất nói trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để trả lại diện tích đất cho ông Phan Văn P.

2. Về án phí:

- Ông Phan Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phan Văn P 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 001752 ngày 29/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

- Ông Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, bị đơn ông Trần Ngọc H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: việc thu thập chứng cứ, chứng minh chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng và đầy đủ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

- Trong phần nội dung, bản án sơ thẩm không ghi ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Như T và ông Lê Quang H là chưa đúng theo hướng dẫn sử dụng Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP, ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Như T và ông Lê Quan H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng trong phần nội dung, phần nhận định cũng như phần quyết định của Bản án không hề thể hiện bất cứ quyền lợi hay nghĩa vụ gì của các đương sự này.

- Biên bản nghị án không ghi ý kiến T luận của các thành viên trong Hội đồng xét xử là chưa đúng với quy định tại khoản 3 Điều 264 Bộ luật TTDS và Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

[2] Về việc xác định quyền thừa kế của ông Lê Quang H:

Đối tượng tranh chấp trong vụ án là quyền sử dụng 12.164 m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa số 05, tờ bản đồ số 00 - tọa lạc tại thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện H, B đã được UBND huyện H cấp cho ông Lê Quang H1 vào ngày 22/6/2007 theo Giấy CNQSD đất số AI835319, được Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai H xác nhận T 04 GCNQSD đất số AI 835319 được UBND huyện cấp ngày 22/6/2007 với nội dung: chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan văn P, sinh năm 1981, CMND số 260866401, thường trú Thôn Phú Lộc, Hàm Cường, huyện H, tỉnh B. Theo hồ sơ số 1476.CN.VP ngày 3/11/2017.

Theo hồ sơ do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai H cung cấp thì thửa đất này là di sản do ông Lê Quang H1 chết để lại. Ông H1 chết ngày 27/5/2016. Ngày 06/6/2017, các chị em ông H1 gồm bà Lê Thị Q, Lê Thị L, Lê Thị L1, Lê Quang H và Lê Thị L2 lập "Hợp đồng ủy quyền" có nội dung: các đương sự này ủy quyền cho ông Lê Văn N đại diện "*để tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế, ký văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế đối với di sản do ông Lê Quang H1 chết để lại như đã nêu trên*".

Trên cơ sở ủy quyền nêu trên, ngày 30/6/2017, ông Lê Văn N đã tới Văn phòng Công chứng Viễn Đông ký "*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*" có nội dung: "*Ông Lê Quang H toàn quyền định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số thửa số 05, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện H, B, diện tích 12.164m2 đất trồng cây lâu năm theo Giấy CNQSD đất số AI835319, vào sổ cấp GCN số 02052 do UBND huyện cấp ngày 22/6/2007*".

Trên cơ sở "*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*" ngày 30/6/2017, ngày 11/8/2017 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H xác nhận T 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 835319, ngày 22/6/2007 với nội dung: để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Lê Quang H, sinh năm 1948, CMND số 260866401, thường trú thôn Phú Lộc, Hàm Cường, huyện H, tỉnh B. Theo hồ sơ số 1216. TK.VP ngày 30/6/2017.

Về Giấy ủy quyền ngày 06/6/2017: theo nội dung giấy ủy quyền này thì cha mẹ ông H1 đều đã chết, ông H1 không có vợ con. Ông H1 có 07 chị em ruột là bà Lê Thị H, Lê Thị Q, Lê Thị L1, Lê Thị L, ông Lê Quang H và bà Lê Thị L2. Ngoài việc khai nhận của những người này, không có tài liệu nào chứng minh ông H1 không có vợ con. Trong giấy ủy quyền không có sự tham gia hoặc thể hiện ý chí của bà Lê Thị H

(hoặc người thừa kế của bà Lê Thị H).

[3] Mặc dù thủ tục khai nhận di sản chưa chặt chẽ, có nhiều sai sót về nội dung cũng như hình thức nhưng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H vẫn xác nhận vào T 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 835319, ngày 22/6/2007 với nội dung: để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Lê Quang H là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào xác nhận này để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Quang H là chưa có căn cứ vững chắc.

[4] Theo hồ sơ vụ án thì thửa đất số 05, tờ bản đồ số 00, diện tích 12.164m^2 tại thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện H, B do ông Trần Ngọc H đang trực tiếp quản lý, sử dụng để trồng bạch đàn từ năm 2011 cho đến nay. Năm 2017 ông Lê Quang H chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho ông Phan Văn P. Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai H không xác minh, kiểm tra lại diện tích đất; không xem xét về người trực tiếp sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng vẫn đăng ký cập nhật nội dung biến động cho ông Phan Văn P là chưa đúng với thực tế sử dụng đất của các đương sự.

[5] Có căn cứ cho rằng, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 00, diện tích 12.164m^2 nói trên do bà Nguyễn Thị Hà chuyển nhượng ông Trương Ngọc L, sau đó ông Trương Ngọc L chuyển nhượng lại cho ông Trần Ngọc H. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ và giải quyết các quan hệ này là chưa toàn diện, chưa bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của vợ chồng ông Trần Ngọc H.

[6] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 08 tháng 8 năm 2019 thì cây trồng trên đất (không rõ cây gì) là 3.400 cây, trị giá 76.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14 tháng 8 năm 2019, trên đất có 4.400 cây bạch đàn có chiều cao 5m. Như vậy, có 1.000 cây bạch đàn phát sinh sau ngày 08 tháng 8 năm 2019 chưa được cấp sơ thẩm định giá.

[7] Về quyết định của bản án sơ thẩm.

[7.1] Quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Trần Ngọc H phải trả lại cho ông Phan Văn P thửa đất có diện tích 12.164m^2 nhưng diện tích đất thực tế ông H đang quản lý, sử dụng chỉ có 11.997,1m^2 (chênh lệch 166,9m^2); ông Phan Văn P yêu cầu ông Trần Ngọc H phải trả lại thửa đất số 5, nhưng án sơ thẩm lại buộc ông Trần Ngọc H trả lại ông Phan Văn P thửa đất số 3 là chưa đúng.

[7.2] Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 00, diện tích 12.164m^2 là tài sản chung của ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị Kim T nhưng quyết định của bản án chỉ buộc ông Trần Ngọc H trả lại cho một mình ông Phan Văn P là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị Kim T;

[7.3] Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 00, diện tích 12.164m^2 hiện do ông Trần Ngọc H và vợ là bà Huỳnh Thị Như T đang quản lý, trên đất có tài sản của ông Trần Ngọc H và bà Huỳnh Thị Như T nhưng án sơ thẩm chỉ buộc một mình ông Trần Ngọc H mà không buộc bà Huỳnh Thị Như T phải trả lại cho ông Phan Văn P là thiếu sót.

[7.4] Khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy

ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định như sau:

"*Vụ án dân sự không có giá ngạch là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự không phải là một số tiền hoặc không thể xác định được giá trị bằng một số tiền cụ thể.*

Vụ án dân sự có giá ngạch là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự là một số tiền hoặc là tài sản có thể xác định được bằng một số tiền cụ thể".

[8] Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*". Tại biên bản định giá ngày 08/8/2019, Hội đồng định giá đã xác định tài sản tranh chấp trị giá 827.998.334 đồng. Như vậy, đây là vụ án dân sự có giá ngạch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc đương sự nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm như vụ án dân sự không có giá ngạch là không đúng.

[9] Việc thu thập chứng cứ, chứng minh chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng và đầy đủ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Cho nên, cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[10] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc H.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí: ông Trần Ngọc H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Ngọc H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004047 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Việt Minh